

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-5-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.
- Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: Nhà trọ Võ Văn D, phòng A, tổ C, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc K, sinh năm 1986; địa chỉ: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: Số B, đường N, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị T trình bày:

Bà Hà Thị T và ông Lê Ngọc K là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh năm 2016 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 19 tháng 02 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

tại địa chỉ số B, đường N, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Quá trình chung sống, bà T và ông K xảy ra nhiều mâu thuẫn; ông K không chăm lo về vấn đề kinh tế của gia đình, bản tính ham chơi, có khi ông K bỏ nhà đi mấy tháng mới về nhà. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không có tiếng nói chung nên bà T đã không sống cùng với ông K từ tháng 10 năm 2024 đến nay. Hiện nay bà T đang sinh sống tại địa chỉ nhà trọ Võ Văn D, phòng A, tổ C, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019. Từ thời điểm bà T và ông K không sống chung thì 02 con chung sống cùng với ông K, do ông K nuôi dưỡng. Tuy nhiên vào ngày nghỉ, cuối tuần, bà T đón con về nhà trọ Võ Văn D, phòng 11, tổ C, khu phố Ô, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để chăm sóc, dẫn 02 con đi chơi. Mặc dù 02 con chung không sống cùng với bà T nhưng bà T vẫn chăm sóc cho các con chung, tiền học phí hàng tháng của 02 con đều do bà T đóng, mỗi tháng 3.100.000 đồng (bé nhỏ học phí 1.400.000 đồng/tháng, bé lớn gần 1.700.000 đồng/tháng); mua quà vật cho 02 con. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giao 02 con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019 cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T sẽ thỏa thuận với ông K về cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Ngọc K vắng mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của cháu Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016: Cháu A đang sống cùng với ông K, cháu A có nguyện vọng được bà T nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

Về nội dung: Bà T và ông K không còn sống chung, không cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Bà T và ông K có 02 con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7

năm 2019. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng với ông K, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, nơi học tập, cần tiếp tục giao 02 con chung cho ông K nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông K nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông K đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Nguyên đơn bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 25 tháng 4 năm 2025 và ngày 16 tháng 5 năm 2025 nhưng ông K vắng mặt không lý do. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.4] Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016; ông K nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp con chung, yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho ông K nuôi dưỡng. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh năm 2016 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 19 tháng 02 năm 2016. Hôn nhân của bà T và ông K là hợp pháp.

Bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung; hiện nay bà T và ông K không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình; do đó bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K.

Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà T và ông K thì địa phương không rõ vì vợ chồng bà T và ông K không trình báo với địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên thực tế, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông K đã không còn nên bà T mới khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K; ông K được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án, chứng tỏ ông K cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn; mục đích hôn nhân giữa bà T và ông K không đạt được. Do đó yêu cầu của bà T về việc được ly hôn với ông K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông K có 02 con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019. Khi ly hôn, bà T yêu cầu Tòa án giao 02 con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019 cho ông K nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và cháu Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019 đang sống cùng với ông K. Mặc dù cháu A có nguyện vọng được sống cùng với bà T nhưng để đảm bảo sự ổn định về nơi sinh sống, nơi học tập; đồng thời tạo điều kiện cho cháu Lê Thị Khánh A và cháu Lê Ngọc K1 được sống cùng với nhau, chăm sóc và yêu thương nhau; do đó cần giao 02 con chung cho ông K nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T đối với bị đơn ông Lê Ngọc K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị T được ly hôn với ông Lê Ngọc K (Giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 19 tháng 02 năm 2016 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh cấp).

- Về con chung: Bà Hà Thị T và ông Lê Ngọc K có 02 con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019. Khi ly hôn, giao 02 con chung tên Lê Thị Khánh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2016 và Lê Ngọc K1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 2019 cho ông Lê Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt vấn đề giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0009028 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Thị Thúy Hằng